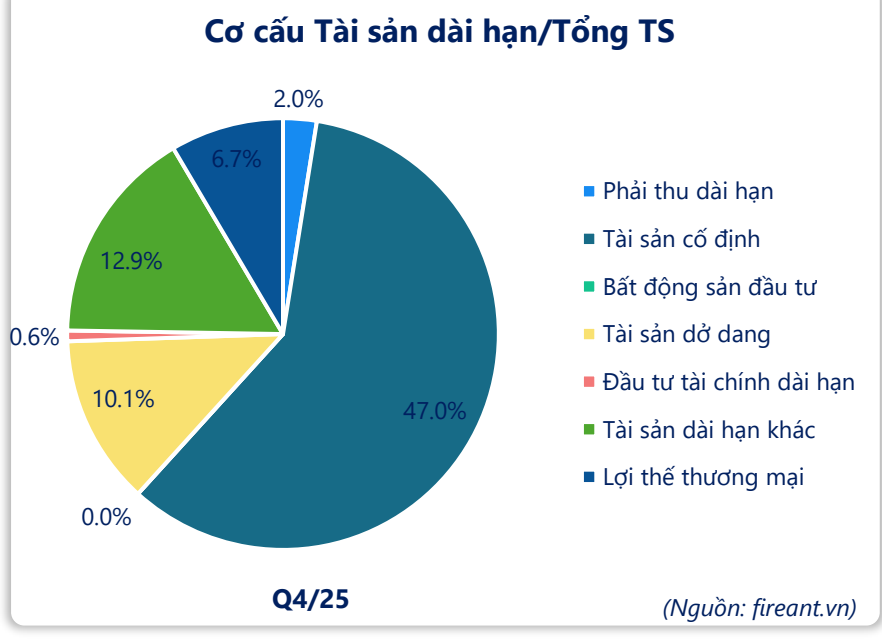
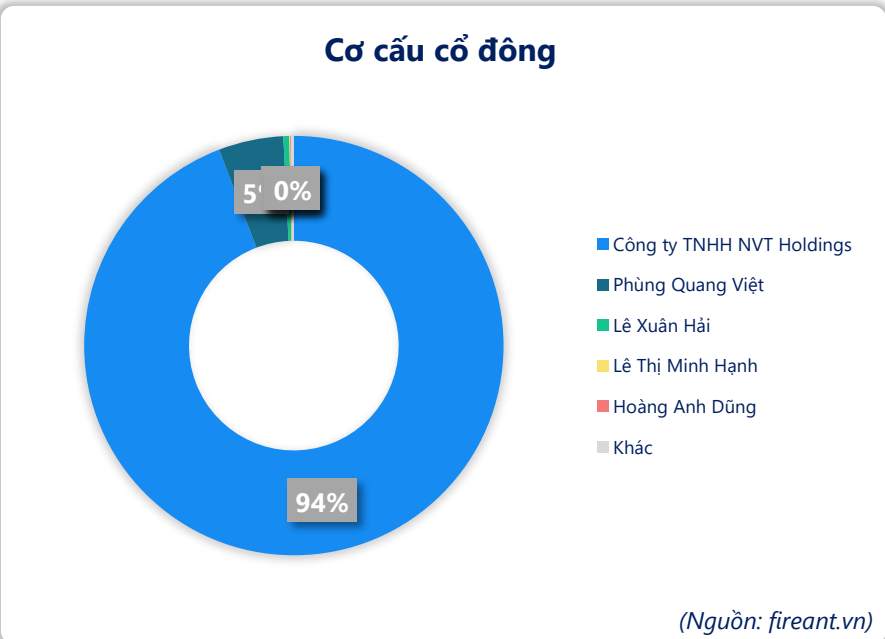
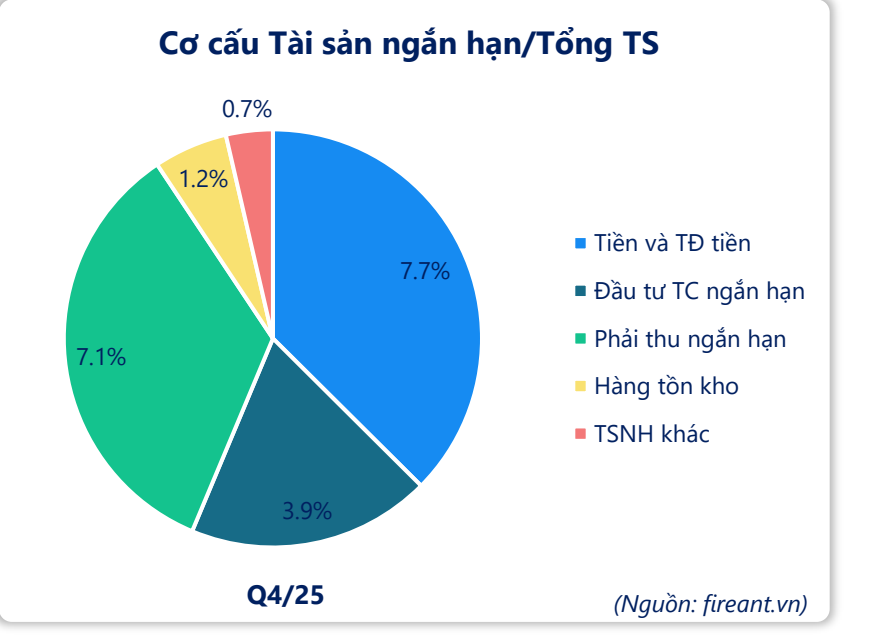
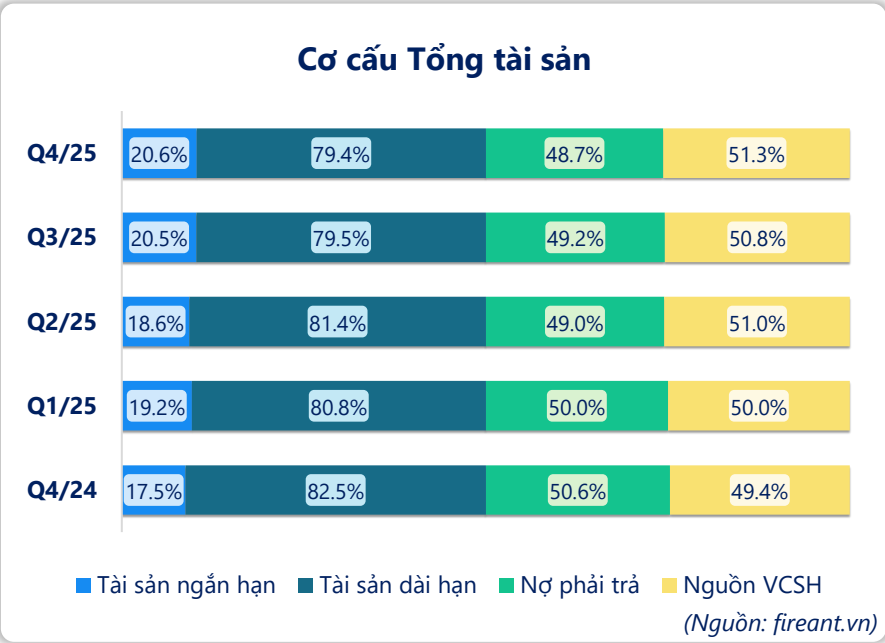
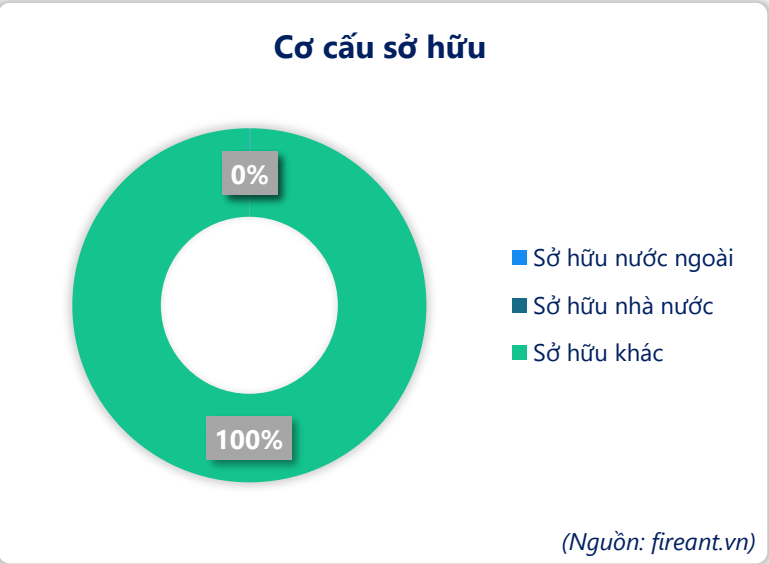
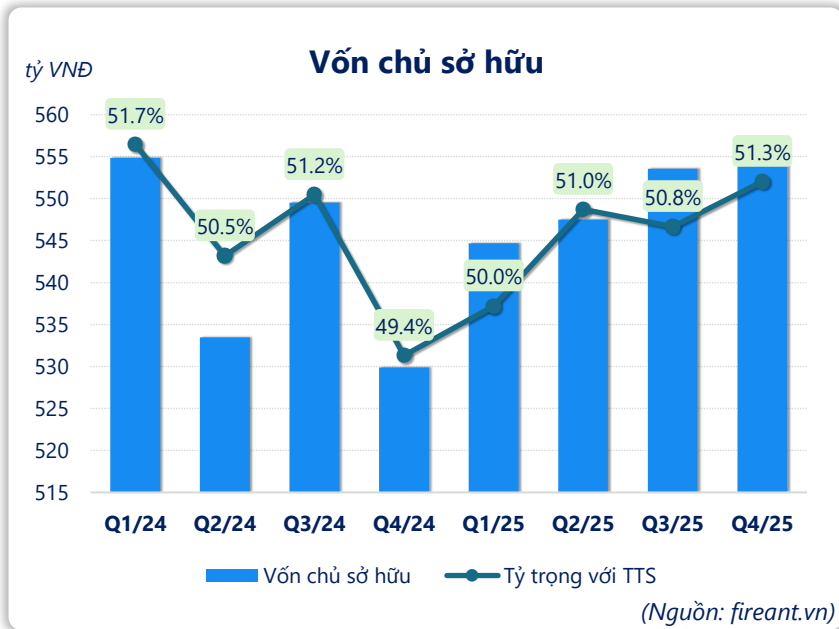
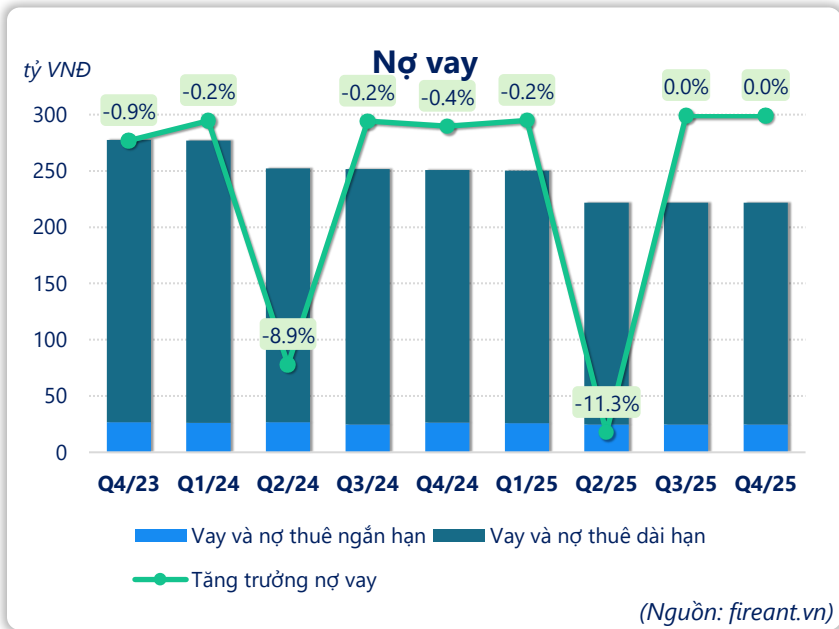
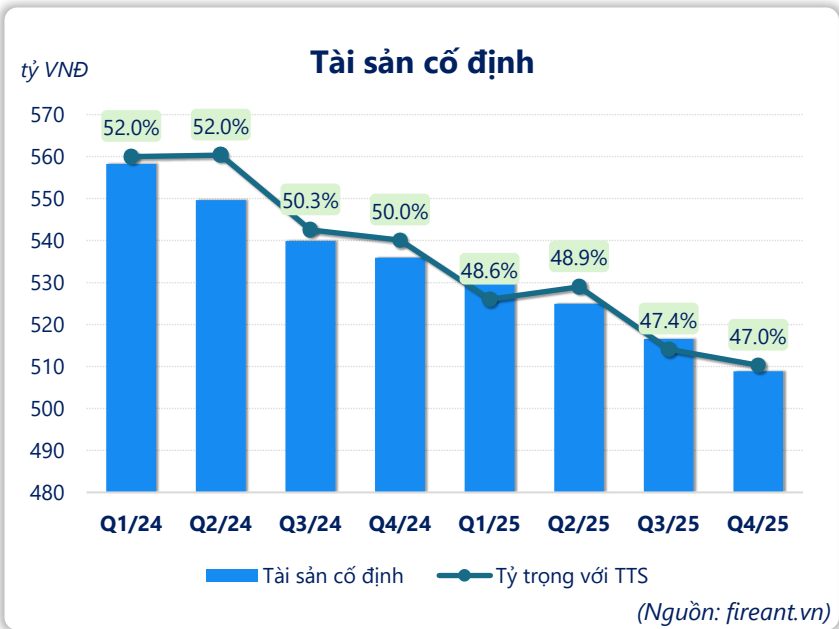
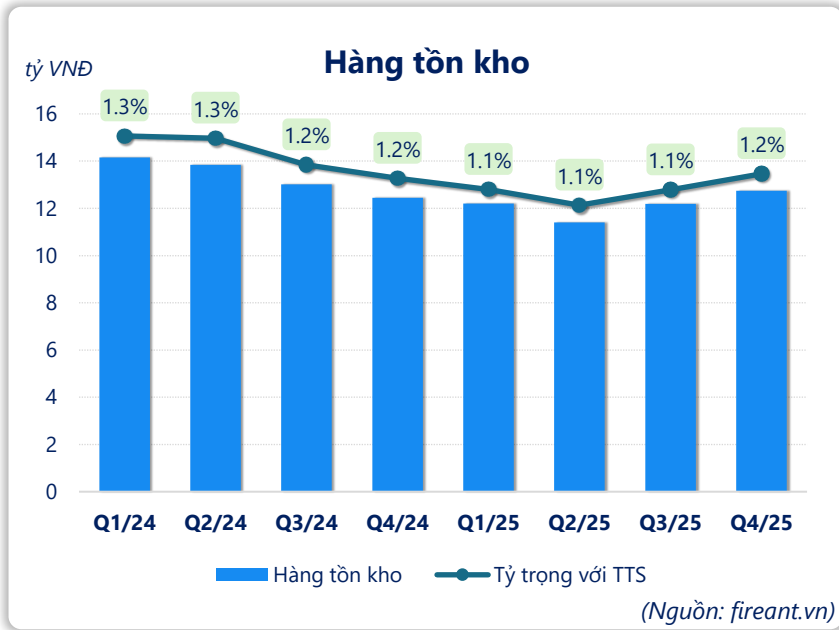
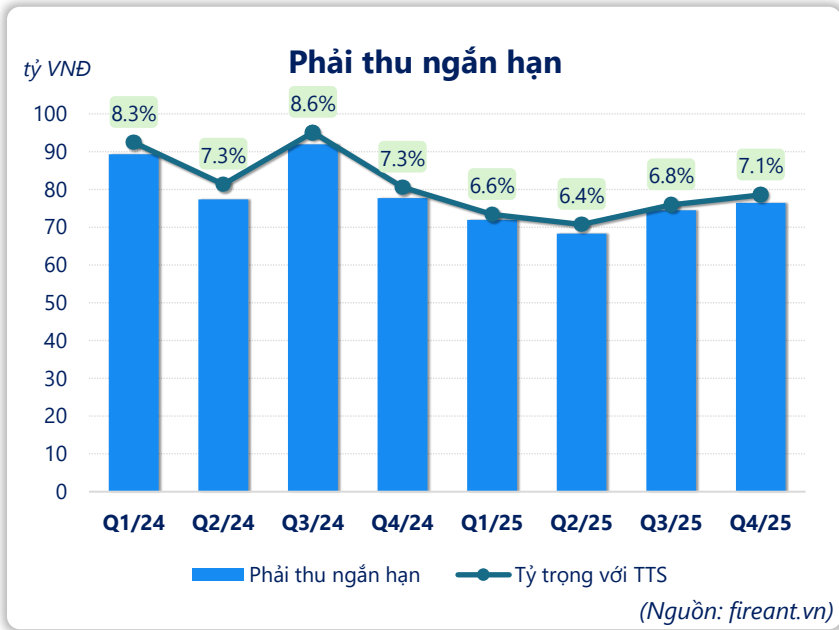
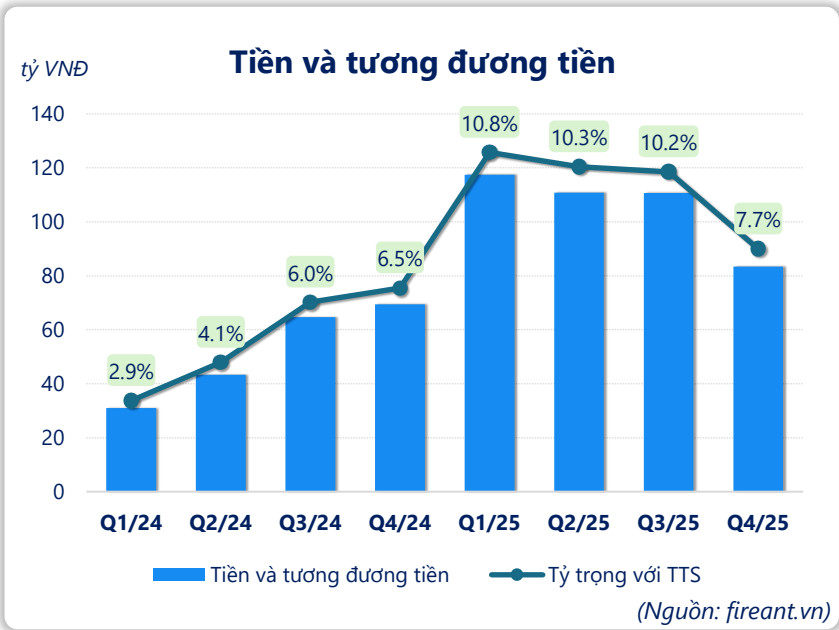
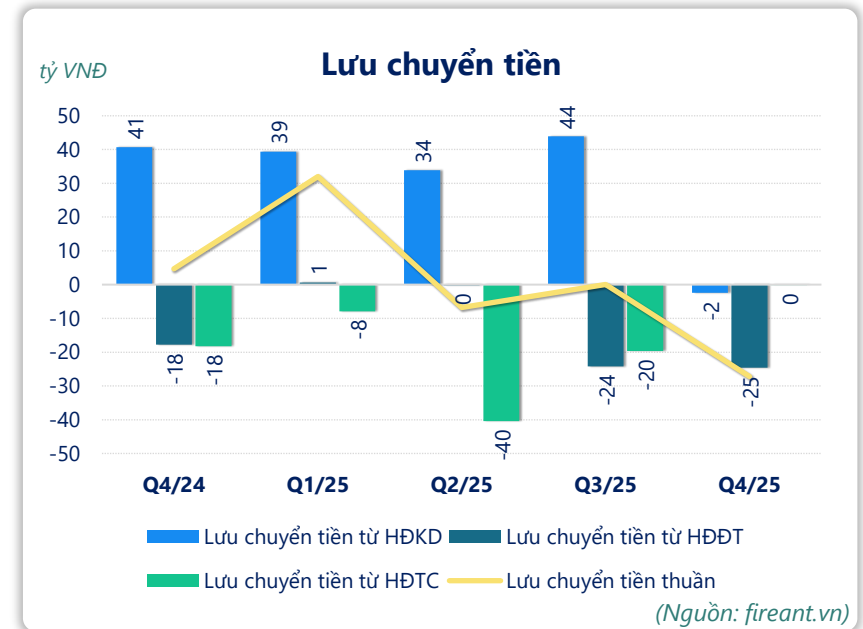
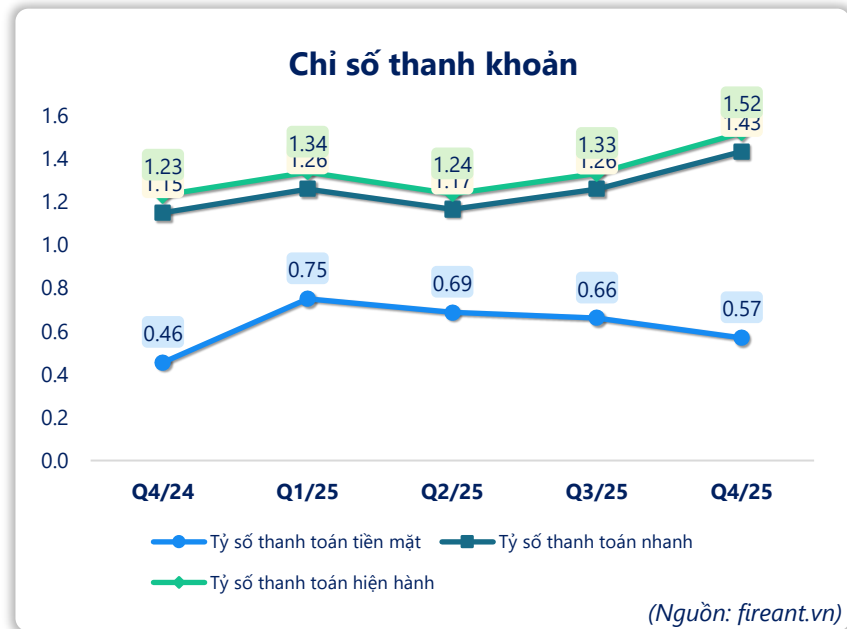
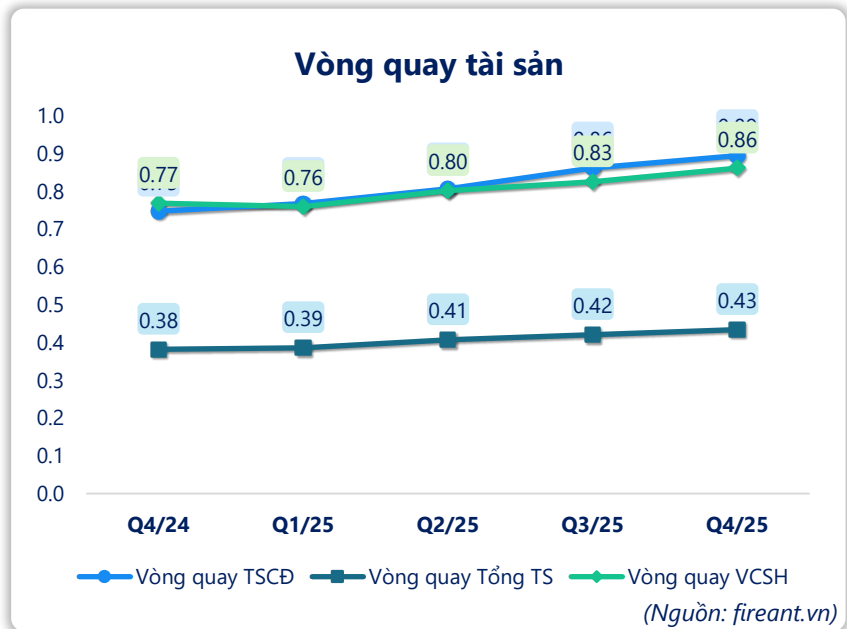
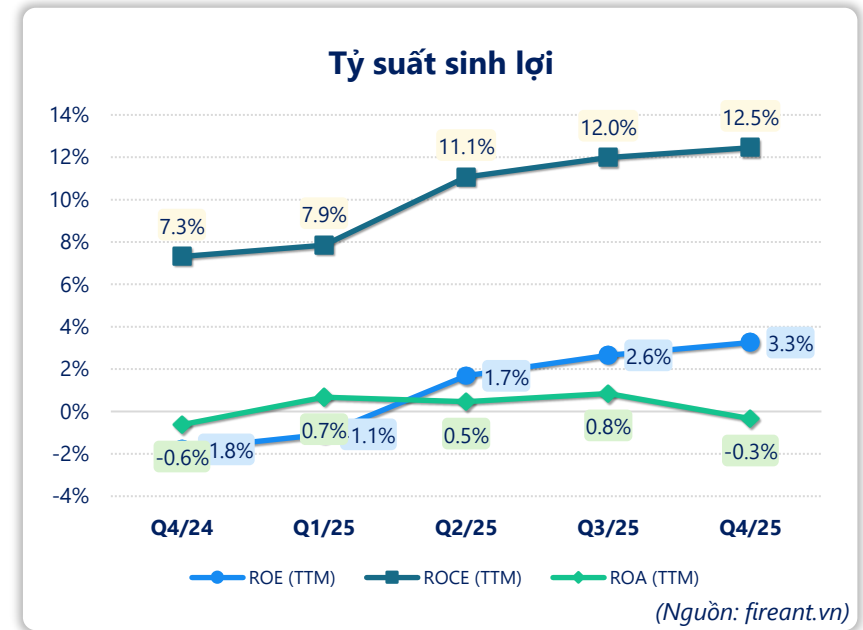
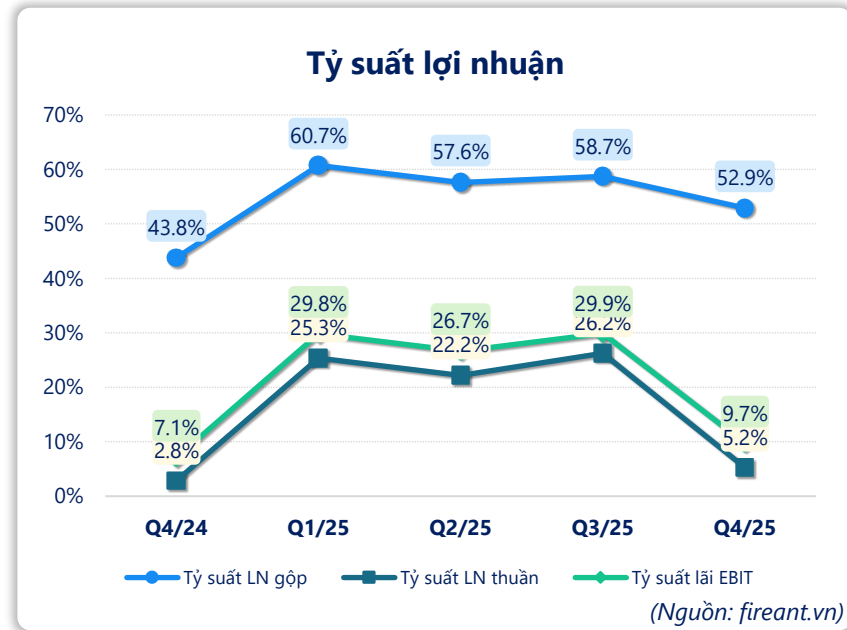
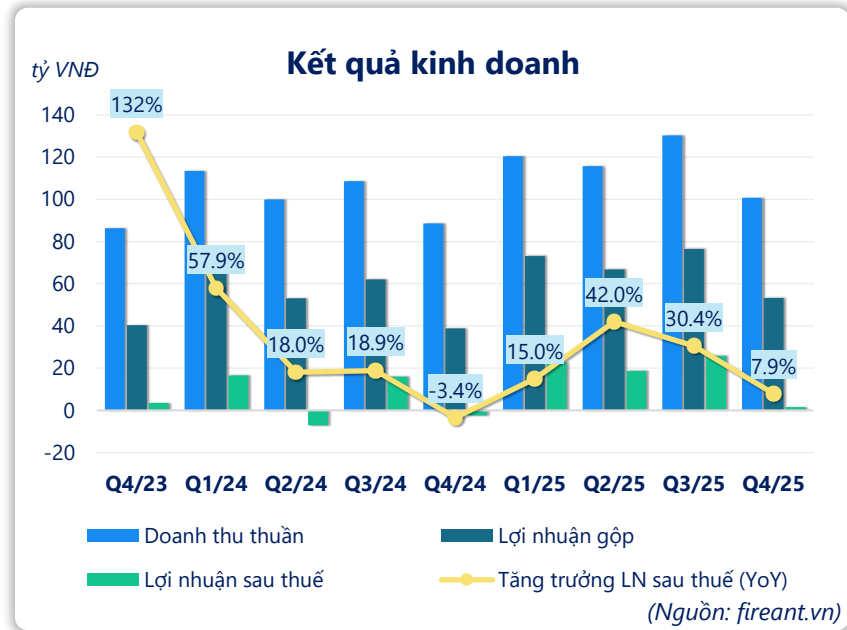


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,940
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,250
SL cổ phiếu LH		90,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,755
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		719
P/E		40.7
EPS		195

	YTD	1T	3T	6T
NVT	3.1%	-6.6%	-1.4%	-3.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,082	1,072	1.0%
Tài sản ngắn hạn	223	181	23.2%
Tiền và tương đương tiền	83.4	85.4	-2.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	4.50	832%
Phải thu ngắn hạn	76.5	70.7	8.2%
Hàng tồn kho	12.7	12.4	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.06	7.62	5.8%
Tài sản dài hạn	859	891	-3.5%
Phải thu dài hạn	21.6	17.5	23.3%
Tài sản cố định	509	536	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	109	99.9	9.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.89	6.89	0.0%
Tài sản dài hạn khác	140	144	-3.1%
Lợi thế thương mại	73.0	86.5	-15.7%
Nợ phải trả	527	542	-2.8%
Nợ ngắn hạn	146	153	-4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	26.4	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.4	45.1	-6.0%
Nợ dài hạn	381	389	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	197	224	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	555	530	4.8%
Vốn chủ sở hữu	555	530	4.8%
Vốn điều lệ	905	905	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	88.6	120	116	130	101
Giá vốn hàng bán	49.8	47.3	49.1	53.8	47.5
Lợi nhuận gộp	38.8	73.1	66.7	76.5	53.3
Doanh thu HĐTC	1.83	2.67	3.31	2.93	1.00
Chi phí TC	6.74	6.45	5.65	5.10	4.18
Chi phí lãi vay	5.56	5.50	5.07	4.75	4.85
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.6	16.1	15.3	15.7	12.7
Chi phí QLDN	19.8	22.8	23.4	24.4	32.1
LN thuần từ HĐKD	2.52	30.5	25.7	34.2	5.29
Lợi nhuận khác	-1.79	-0.08	0.11	-0.02	-0.37
LN trước thuế	0.73	30.4	25.8	34.2	4.91
Lợi nhuận sau thuế	-2.38	22.5	18.7	25.7	1.50
LNST của CĐ cty mẹ	-6.69	7.23	4.90	9.16	-3.65

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.7	39.4	33.8	43.9	-2.41
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.8	0.61	-0.23	-24.2	-24.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.2	-7.96	-40.4	-19.7	-0.17
Tiền đầu kỳ	64.7	85.4	117	111	111
Lưu chuyển tiền thuần	4.70	32.0	-6.82	0.04	-27.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.13	-0.13	-0.08
Tiền cuối kỳ	69.4	117	111	111	83.4

(Nguồn: fireant.vn)